

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 9 - 2022

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hòa Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Sơn Điền

2. Ông Nguyễn Quốc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Huy Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 312/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Văn Thị G, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Tổ 05, ấp Tân Hậu A, xã Tân A, thị xã Tân C, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số 177, tổ 4, ấp Long T, xã Long A, thị xã Tân C, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Tổ 05, ấp Tân Hậu A, xã Tân A, thị xã Tân C, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 6 năm 2022, và lời khai tại phiên tòa , nguyên đơn chị Văn Thị G trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị G và anh Đ sau thời gian tìm hiểu và quyết định sống chung, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân A, thị xã Tân C, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 120/2003 ngày 28/10/2003.

Cuộc sống chung hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau, hiện

tại đã không sống chung từ tháng 07/2022, vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ được, nên chị G yêu cầu ly hôn với anh Đ.

- Về nuôi con chung: Chị G và anh Đ có 02 đứa con chung tên Lê Nguyễn Thị L, sinh ngày 30/7/2004, (đã trưởng thành) và Nguyễn Thị Ánh N, sinh ngày 28/5/2009 (đang sống với anh Đ), khi ly hôn, chị G đồng ý giao con chung cho anh Đ nuôi dưỡng, chị G không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị G và anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung : Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ có lời khai trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ thống nhất với lời trình bày của chị G về thời gian, điều kiện kết hôn cũng như nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, anh Đ không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị G với lý do chị G yêu cầu chị G về sống chung để nuôi dạy các con. Nếu chị G không về thì anh sẽ bán tài sản để nuôi con ăn học.

- Về con chung: Anh Đ và chị G có 02 đứa con chung tên Lê Nguyễn Thị L, sinh ngày 30/7/2004, (đã trưởng thành) và Nguyễn Thị Ánh N, sinh ngày 28/5/2009(đang sống với anh Đ), nếu như Tòa án cho chị G ly hôn với anh, anh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Nguyệt(cháu Nguyệt có nguyện vọng sống với anh Đ) không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị G và anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung : Không có

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48; Điều 203; Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham giam tố tụng từ giai đoạn thụ lý vụ án cũng như tại phiên Tòa nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền, và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Văn Thị G với anh Nguyễn Văn Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 120/2003 ngày 28/10/2003 do UBND xã Tân A, thị xã Tân C, tỉnh An Giang, cấp cho chị Văn Thị G và anh Nguyễn Văn Đ không còn giá trị pháp lý.

- Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận nuôi con chung giữa Chị và anh Nguyễn Văn Đ, anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ánh N, sinh ngày 28/5/2009 cho đến khi cháu Nguyệt trưởng thành và tự lập được, chị G không phải dưỡng nuôi con chung.

Anh Đ tạo mọi điều kiện cho chị G đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở chị G thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung: Chị G và anh Đ tự thỏa thuận, đề nghị không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có

- Về án phí: Chị Văn Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Chị Văn Thị G khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ có địa chỉ cư trú tại: Tổ 05, ấp Tân Hậu A, xã Tân A, thị xã Tân C, tỉnh An Giang, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Văn Thị G và anh Nguyễn Văn Đ sau thời gian tìm hiểu và quyết định sống chung, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân A, thị xã Tân C, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 120/2003 ngày 28/10/2003 là hôn nhân hợp pháp.

Cuộc sống chung hòa thuận, hạnh phúc được đến 2019 thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau, hiện tại đã không sống chung từ 07/2022 đến nay, vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ được, chị G yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Anh Đ không đồng ý ly hôn với lý do yêu cầu chị G về sống chung để nuôi dạy các con. Nếu chị G không về thì anh sẽ bán tài sản để nuôi con ăn học.

Nhận thấy, theo quy định của pháp luật vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong công việc cũng như trong cuộc sống, tuy nhiên cuộc sống chung giữa chị G và anh Đ lại chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ vợ chồng, mặt khác, lý do anh Đ không đồng ý ly hôn là do yêu cầu chị G có trách nhiệm cùng nuôi con với anh Đ, còn tình cảm vợ chồng thì anh Đ không đề cập đến, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử động viên chị G đoàn tụ, nhưng chị G vẫn cương quyết ly hôn, điều này cho thấy mâu thuẫn giữa chị G và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần cho ly hôn giữa chị G với anh Đ là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Giấy chứng nhận kết hôn số 120/2003 ngày 28/10/2003 do UBND xã Tân A, thị xã Tân C, tỉnh An Giang, cấp cho chị Văn Thị G và anh Nguyễn Văn Đ không còn giá trị pháp lý.

[2.2] Về con chung: Chị G và anh Đ có 02 đứa con chung tên Lê Nguyễn Thị L, sinh ngày 30/7/2004, (đã trưởng thành) và Nguyễn Thị Ánh N, sinh ngày 28/5/2009(đang sống với anh Đ), chị G đồng ý giao cháu Nguyệt cho anh Đ nuôi dưỡng, chị G không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ cho rằng nếu Tòa án cho chị G ly hôn với anh, anh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Nguyệt(cháu Nguyệt có nguyện vọng sống với anh Đ) không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con.

Nhận thấy giữa chị G và anh Đ đã thỏa thuận được nuôi con chung, nên công nhận sự thỏa thuận nuôi con chung giữa chị G và anh Đ, anh Đ được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ánh N, sinh ngày 28/5/2009 đến khi trưởng thành và tự lập được.

Anh Đ tạo mọi điều kiện cho chị G đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở chị G thực hiện quyền này.

[2.3] Về tài sản chung: Chị G và anh Đ tự thỏa thuận, không đề cập giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Không có.

[2.5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Văn Thị G phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005203 ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Văn Thị G với anh Nguyễn Văn Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 120/2003 ngày 28/10/2003 do UBND xã Tân A, thị xã Tân C, tỉnh An Giang, cấp cho chị Văn Thị G và anh Nguyễn Văn Đ không còn giá trị pháp lý.

- *Về nuôi con chung*: Công nhận sự thỏa thuận nuôi con chung giữa chị Văn Thị G và Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Văn Đ tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ánh N, sinh ngày 28/5/2009, cho đến khi trưởng thành và tự lập được, chị Văn Thị G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn Đ tạo mọi điều kiện cho chị Văn Thị G đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở chị G thực hiện quyền này.

- *Về tài sản chung*: Không đề cập giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có.

- *Về án phí*: Chị Văn Thị G phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0005203 ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang,

- *Về quyền kháng cáo*: Chị Văn Thị G và anh Nguyễn Văn Đ có mặt tại phiên tòa, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX. Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hòa Bình